TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 19/2021/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và bà Bùi Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa, các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị M, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện tại: Bản P3, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 29/10/2012. Sau ngày cưới, chị về nhà anh Đ làm dâu ngay và sinh sống cùng gia đình anh Đ. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do vợ chồng bất quan điểm, ngoài ra, giữa chị và mẹ anh Đ cũng phát sinh mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Mẹ anh Đ hay chửi bới, xúc phạm chị. Đến đầu năm 2016 mâu thuẫn căng thẳng, cuộc sống chung của vợ chồng dạn nứt trầm trọng, không hạnh phúc. Chị và anh Đ sống ly thân với nhau từ đầu năm 2016 cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên gia đình cũng có dàn xếp để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh thừa nhận thời gian kết hôn như chị M trình bày ở trên là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh Đ thì chủ yếu là do chị M và mẹ đẻ anh xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra chị M cũng xảy ra mâu thuẫn với anh chị em trong gia đình anh nữa, bản thân anh nhiều lần hòa giải khuyên bảo nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2016 cho tới nay như chị M trình bày là đúng. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh cũng đã nói chuyện với chị M để hàn gắn tình cảm nhưng chị M vẫn không thay đổi. Anh xác định không còn tình cảm với chị M, chị M đề nghị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị M và anh Đ đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 06/8/2012 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2014. Hiện tại, hai cháu đang ở với anh Đ. Ly hôn chị M và anh Đ thống nhất thỏa thuận, anh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Anh Đ yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh mức 2.000.000đ/tháng/01cháu (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8/2021 cho đến khi các con thành niên. Chị M đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của anh Đ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, đất canh tác và công sức đóng góp: Chị M và anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đ nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị M và cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cho anh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị M buộc chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Đ mức 2.000.000đ/tháng/01cháu (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8/2021 cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị M và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Chị Đinh Thị M là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi. Anh Đ, hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện Y nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Chị Đinh Thị M là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cả hai anh chị đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị M, anh Đ.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị M và anh Đ đều xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh Đ không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Căn cứ vào lời trình bày của chị M và anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị M và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên cần xác định cuộc hôn nhân của chị M và anh Đ là cuộc hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống, chị M và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đang sống ly thân từ đầu năm 2016 cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân, cả anh và chị đều cố gắng hàn gắn lại tình cảm nhưng không có kết quả. Chị M xin ly hôn, anh Đ đồng ý không có sự níu kéo. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh Đ mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị M được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị M và anh Đ đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 06/8/2012 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2014. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận, giao cho anh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu A cho đến khi thành niên. Nguyện vọng của Huy, xin được ở với bố. Xét thấy, thỏa thuận của chị M, anh Đ là tự nguyện, không bị ai ép buộc; phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu H đồng thời tránh việc xáo trộn tâm lý cũng như sinh hoạt hàng ngày của các cháu nên cần chấp nhận. Giao cho anh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu A cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ yêu cầu, chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh mức 2.000.000đ/tháng/01cháu (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8/2021 cho đến khi các con thành niên. Chị M đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của anh Đ. Xét thấy, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị M ở trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện trên. Vì vậy, buộc chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Đ mức 2.000.000đ/01 tháng/01cháu (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8/2021 cho đến khi các con thành niên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải thi hành án cho anh Đ) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác, công nợ và công sức: Chị M, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị M còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 06/8/2012 và cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 08/12/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chị Đinh Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Đ mức 2.000.000đ/01tháng/01cháu (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con thành niên và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền chị Đinh Thị M phải thi hành án cho anh Đ) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Chị Đinh Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000152 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị M còn phải tiếp tục nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh